TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 19/2024/DS-GĐT
Ngày: 21-3-2024
V/v *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với Hội đồng xét xử giám đốc thẩm gồm:

Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Cường - Thẩm phán.

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường và ông Nguyễn Tấn Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Võ Thị Nhị Tứ - Thẩm tra viên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21-3-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự: *"Tranh chấp chia di sản thừa kế",* giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1943; địa chỉ cư trú: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.2. Bà **Hà Thị T**, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.3. Bà **Hà Thị S**, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.4. Bà **Lê Thị B1**, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.5. Chị **Hà Thị N**, sinh năm 2002; địa chỉ cư trú: Thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.6. Ông **Hà Văn S1**, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.7. Ông **Hà Văn S2**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.8. Bà **Hà Thị T1**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.9. Bà **Nguyễn Thị S3**, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.10. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.11. Bà **Nguyễn Thị C1**, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.12. Bà **Nguyễn Thị Á**, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.13. Ông **Nguyễn Minh C2**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3.14. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị B trình bày: Cụ Nguyễn K1 (chết năm 1988) có 03 người vợ là cụ Bùi Thị L, cụ Hồ Thị N1 và cụ Trần Thị L1 (đều đã chết) và có 11 con chung. Trong đó, giữa cụ K1 và cụ L có 01 con chung là Nguyễn Thị M1 (chết lúc nhỏ); giữa cụ K1 và cụ N1 có 02 con chung là Nguyễn Thị T2 (chết năm 1990) và Nguyễn Thị K; giữa cụ K1 và cụ L1 có 08 con chung là Nguyễn Thị Đ (chết năm 2015), Nguyễn Thị S3, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Minh C, Nguyễn Thị M, Nguyễn Minh C2 và Nguyễn Văn T3 (chết khi còn nhỏ).

Bà Nguyễn Thị T2 có 06 người con gồm: Hà Thị T, Hà Thị S, Hà Thị T1, Hà Văn S1, Hà Văn S2 và Hà Văn C3 (chết, có vợ là Lê Thị B1 và có 01 con chung là Hà Thị N).

Quá trình chung sống, cụ Nguyễn K1 và cụ Trần Thị L1 tạo lập được khối tài sản chung gồm: (**1**) Thửa đất số 804, tờ bản đồ số 07, diện tích 490 m^2 (200 m^2 đất ở và 290 m^2 đất trồng cây hằng năm), có nguồn gốc do hai cụ nhận chuyển nhượng, đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Trần Thị L1, trên đất có 01 ngôi nhà (sau đây viết tắt là thửa đất số 804) và (**2**) thửa đất số 784, tờ bản đồ số 7, diện tích 710 m^2 (200 m^2 đất ở và 510 m^2 đất vườn), có nguồn gốc là đất hương hỏa, đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ Trần Thị L2, trên đất có 01 ngôi nhà (sau đây viết tắt là thửa đất 784). Cả hai thửa thất đều có địa chỉ tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (Theo Công văn số 117/UBND-ĐC ngày 07-6-2021 của Ủy ban nhân dân xã P thì tên L2 và L1 cùng là một chủ sử dụng đất). Ngoài ra, cụ K1 và cụ L1 còn có tài sản là 02 thửa đất ruộng.

Khi còn sống cụ Trần Thị L1 cho bà Nguyễn Thị M tạm thời sử dụng nhà và đất tại thửa đất số 804. Năm 2017, cụ L1 chết (không để lại di chúc). Nay, ông Nguyễn Minh C có ý định chiếm giữ phần tài sản mà cụ L1 chết để lại, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn K1 và cụ Trần Thị L1 chết để lại là thửa đất số 804 và thửa đất số 784 và chia bằng hiện vật cho các hàng thừa kế.

- *Bị đơn, ông Nguyễn Minh C trình bày:* Ông thống nhất trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, di sản thừa kế và nguồn gốc di sản thừa kế. Tuy nhiên, không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn, vì năm 1999, cụ Trần Thị L1 có di chúc để lại đất hương hỏa cho ông. Giấy di chúc do bà Nguyễn Thị S3 giữ, nhưng không giao lại cho ông. Quá trình quản lý, sử dụng, do nhà cũ của cha, mẹ để lại bị hư sập, nên năm 2019, ông và vợ (Nguyễn Thị C1) đã xây sửa lại để ở trên thửa đất số 784, với số tiền là 169.217.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C1 trình bày*: Bà thống nhất như trình bày của chồng là ông Nguyễn Minh C, không trình bày hay bổ sung yêu cầu gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị S3 và Nguyễn Thị Á cùng trình bày*: Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, di sản thừa kế, nguồn gốc di sản thừa kế và thống nhất với yêu cầu chia di sản của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh C2 và bà Nguyễn Thị H trình bày*: Ông bà là vợ chồng, hiện đang cư trú tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Ông (C2) là em ruột ông Nguyễn Minh C. Ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, di sản thừa kế và nguồn gốc di sản thừa kế. Tuy nhiên, không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn, vì năm 2009, mẹ ông (Trần Thị L1) đã Di chúc để lại đất hương hỏa cho ông Nguyễn Minh C và Di chúc đang do bà Nguyễn Thị S3 đang giữ. Còn thửa đất số 804, tờ bản đồ 07 hiện nay do bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị M đang quản lý, sử dụng thì các bà cứ ở cho đến chết. Ông, bà không có yêu cầu cho riêng mình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các Nguyễn Thị K trình bày:* Bà không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn, vì khi còn sống cha bà đã có di nguyện giao thửa đất số 784 hương hỏa cho ông Nguyễn Minh C thờ cúng tổ tiên; giao thửa đất số 804 cho ông Nguyễn Minh C2 thừa kế, thờ cúng sau này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T trình bày*: Bà đại diện cho các em, không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn và có nguyện vọng giữ nguyên hiện trạng ban đầu cho hai cậu thừa kế. Thửa đất số 784 hương hỏa cho ông Nguyễn Minh C thờ cúng tổ tiên; còn thửa đất 804, giao cho ông Nguyễn Minh C2 thừa kế, thờ cúng sau này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* các *bà Hà Thị S, Hà Thị T1*; *các ông Hồ Văn S4, Hồ Văn S5 và chị Hà Thị N* đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và không có ý kiến.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 19-01-2022, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước quyết định:

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 649, 650 và 651 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của các bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị S3 và Nguyễn Thị M đối với di sản của cụ ông Nguyễn K1, chết năm 1988 và cụ bà Trần Thị L1, chết năm 2018.

2. Chia giao cho các bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị S3 được nhận hiện vật sở hữu chung nhà gắn liền quyền sử dụng đất của thửa đất số 804, tờ bản đồ số 07, diện tích 490 m^2 (đất ở 200 m^2; đất trồng cây hàng năm 290 m^2) hiện thửa đất đang do bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị M quản lý sử dụng, trong đó:

2.1. Phần bà Nguyễn Thị B được 66,6 m^2 đất ở x 2.000.000 đồng = 133.200.000 đồng và 23,4 m^2 đất vườn x 897.000 đồng = 20.989.000 đồng; tổng cộng: 133.220.989 đồng.

2.2. Phần bà Nguyễn Thị M được 66,6 m^2 đất ở x 2.000.000 đồng = 133.200.000 đồng và 266,6 m^2 đất vườn x 897.000 đồng = 239.140.200 đồng; tổng cộng: 372.340.200 đồng.

2.3. Phần bà Nguyễn Thị S3 được 66,6 đất ở x 2.000.000 đồng = 133.200.000 đồng.

3. Chia giao cho ông Nguyễn Minh C và vợ Nguyễn Thị C1 quyền sở hữu nhà gắn liền quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 784, tờ bản đồ số 7, diện tích 710 m^2 (đất ở 200 m^2; đất vườn 510 m^2), trong đó:

3.1. Phần ông Nguyễn Minh C được 66,6 m^2 đất ở x 2.000.000 đồng = 133.200.000 đồng.

3.2. Giao ông Nguyễn Minh C nhận thêm phần của ông Nguyễn Minh C2 được chia: 66,6 m^2 đất ở x 2.000.000 đồng = 133.200.000 đồng và 266,6 m^2 đất vườn x 897.000 đồng = 239.140.200 đồng; tổng cộng 372.340.200 đồng mà không phải chia trả lại giá trị cho ông C2.

3.3. Buộc ông Nguyễn Minh C và vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm c hoàn trả lại giá trị cho bà Nguyễn Thị B: 243,2 m^2 đất vườn x 897.000 đồng = 218.150.000 đồng; bà Nguyễn Thị Á 66,5 m^2 đất ở x 2.000.000 đồng = 131.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 26-01-2022, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Á và bà Nguyễn Thị M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

- Tại Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 161/2022/QĐ-PT ngày 09-9-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 93/2022/TLPT-DS ngày 14-4-2022 về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*".

2. Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 19-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

- Ngày 20-10-2022, ông Nguyễn Minh C có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm và quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2024/KN-DS ngày 29-01-2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 19-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Tuy Phước xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2024/KN-DS ngày 29-01-2024của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về di sản thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 804 (200 m^2 đất ở và 290 m^2 đất trồng cây hằng năm) và thửa đất số 784 (200 m^2 đất ở và 510 m^2 đất vườn) là di sản do cụ Nguyễn K1, cụ Nguyễn Thị L3 chết để lại chưa chia và xác định di sản của cụ K1 là 200 m^2 đất ở, không có đất vườn; di sản của cụ L3 là 200 m^2 đất ở và 200 m^2 đất vườn tính theo nhân khẩu tại thời điểm cấp đất (04 người gồm cụ L3, bà B, bà M và ông C2, mỗi người 200 m^2 đất vườn) là có căn cứ.

[2]. Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn K1 gồm 10 người là: (**1**) cụ Trần Thị L1 (**2**) bà Nguyễn Thị T2, (**3**) bà Nguyễn Thị K, (**4**) bà Nguyễn Thị Đ, (**5**) bà Nguyễn Thị S3, (**6**) bà Nguyễn Thị B, (**7**) bà Nguyễn Thị Á, (**8**) ông Nguyễn Minh C, (**9**) bà Nguyễn Thị M và (**10**) ông Nguyễn Minh C2. Như vậy, di sản của cụ Nguyễn K1 là 200 m^2 đất ở (100 m^2 thuộc thửa đất số 804 và 100 m^2 thuộc thửa đất số 784) được chia thành 10 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 20 m^2.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị K và 06 người con của bà Nguyễn Thị T2 không từ chối nhận di sản thừa kế, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chia di sản thành 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần 25 m^2 cho 08 người thừa kế (cụ L1, bà Đ, bà S3, bà B, bà Á, ông C, bà M và ông C2) là bỏ sót 02 người thừa kế (bà K và thừa kế thế vị của bà T2).

[3]. Về chia thừa kế: Đối với kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ được hưởng (20 m^2 đất ở). Do bà Đ chết năm 2015, không có chồng con và thời điểm này cụ L1 còn sống (chết năm 2017), nên kỷ phần bà Đ được hưởng từ cụ K1 sẽ được chia hết cho cụ L1 là hàng thừa kế thứ nhất. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại chia

thành 07 kỷ phần là chia cho cụ L1 và 06 anh, chị em của bà Đ (thuộc hàng thừa kế thứ hai) là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

[4]. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Thị L1 gồm 06 người là: (**1**) bà Nguyễn Thị S3, (**2**) bà Nguyễn Thị B, (**3**) bà Nguyễn Thị Á, (**4**) ông Nguyễn Minh C, (**5**) bà Nguyễn Thị M và (**6**) ông Nguyễn Minh C2. Như vậy, di sản của cụ L1 gồm 200 m^2 đất ở (100 m^2 thuộc thửa đất số 804 và 100 m^2 thuộc thửa đất số 784); 200 m^2 đất vườn (72,5 m^2 thuộc thửa đất số 804 và 127,5 m^2 thuộc thửa đất số 784); 01 kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn K1 (20 m^2 đất ở) và 01 kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ (20 m^2 đất ở) sẽ được chia thành 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 40 m^2 đất ở và 33,3 m^2 đất vườn. Tuy nhiên, đối với kỷ phần là 33,3 m^2 đất vườn, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định chia cho 06 người thừa kế, nhưng khi phân chia cụ thể chỉ chia cho 03 người là bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Minh C2, mỗi người nhận 02 kỷ phần và không buộc những người này trả giá trị đất vườn cho 03 người còn lại; trong khi, bà Nguyễn Thị Á, ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị S3 không từ chối nhận di sản thừa kế đất vườn là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự này.

[5]. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh C2 không từ chối nhận di sản thừa kế, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm giao lại kỷ phần thừa kế mà ông C2 được nhận cho ông Nguyễn Minh C và cũng không buộc ông C trả lại giá trị cho ông C2, với lý do ông C2 không có yêu cầu độc lập là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C2.

[6]. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 161/2022/QĐ-PT ngày 09-09-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quyết định này làm phát sinh hiệu lực của bản án sơ thẩm, do đó cần hủy quyết định này. Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cần hủy quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[7]. Từ những chứng cứ, phân tích và nhận định trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Kháng nghị số 02/2024/KN-DS ngày 29-01-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 19-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước và Q chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 161/2022/QĐ-PT ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2024/KN-DS ngày 29-01-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 19-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước và Q chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 161/2022/QĐ-PT ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT II-Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước;
- Cục Thi hành án dân sự huyện huyện Tuy Phước;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GĐKT về DS-KDTM-LĐ và HSVA.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Cường